

Bản án số: 565/2020/HS-PT  
Ngày 23 – 9 – 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Long

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 270/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Đào Nam M.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2020/HS-ST ngày 3 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**Đào Nam M**, sinh năm 1989, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: số 6A116, Ấp 6, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; con ông Đào Trọng K, sinh năm 1940 và bà Dương Thị T, sinh năm 1946; có vợ là Hoàng Nguyễn Kiều N, sinh năm 1989, chưa có con chung; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/9/2019 đến nay (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Đào Trọng T – Công ty Luật TNHH Tín Việt – thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**Bị hại:** Bà Võ Anh K, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: số 763/5/4/29 đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Huỳnh Thị Ngọc A, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt);

2. Ông Trịnh Văn V, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt);  
Cùng nơi cư trú: số 261B, Khu vực 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.
3. Bà Mai Thị P, sinh năm 1973 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: số 6A39/01 Ấp 6, xã P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Bà Hoàng Nguyễn Kiều N, sinh năm 1989 (vắng mặt);
5. Ông Hoàng B, sinh năm 1958 (vắng mặt);  
Cùng cư trú: 5H3 ấp 5, Đường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người làm chứng:**

1. Bà Trần Kim N, sinh năm 1988; nơi cư trú: số 53Đ, Khu phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).
2. Ông Trần Văn K, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp Đức Ngãi, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Đầu năm 2018, Đào Nam M sống bằng nghề môi giới mua, bán bất động sản trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Long An. Thời gian này, M nhiều lần vay tiền của bà Huỳnh Thị Ngọc A với lãi suất cao, kéo dài đến ngày 11/3/2019 M và chị A chốt nợ tổng cộng 400.000.000đ. Khoảng đầu tháng 5 năm 2019, bà Mai Thị P gặp Đào Nam M nói, năm 2017 bà mua 190m<sup>2</sup> trên thửa đất số: 1233, tờ bản đồ số: 25, tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, nay bà cần bán với giá trên 1.000.000.000đ và nhờ M giới thiệu người mua. M nhận lời và kêu bà P chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này chuyển vào Zalo của M. Sau khi nhận được thông tin M có ý định sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P tìm người làm giấy giả lấy tên Đào Nam M, nhằm mục đích tìm người thế chấp hoặc bán lấy tiền trả nợ cho bà Huỳnh Thị Ngọc A. Đến ngày 04/5/2019 M xem thông tin trên mạng Internet thấy trang quảng cáo “Chuyên giấy đỏ phôi thật” nhận làm giấy tờ đất và số thuê bao điện thoại 0909004330. M liên hệ và biết tên Nguyễn Tài Thiện P (chủ cơ sở chuyên giấy đỏ phôi thật), M yêu cầu Thiện P làm giả với nội dung trên. Nguyễn Tài Thiện P nhận lời với giá 14.000.000đ và kêu M chuyển hình chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Mai Thị P và tất cả các loại giấy tờ tùy thân của M vào zalo của P, M đồng ý, P mới cung cấp tài khoản cá nhân số 0602.0473.2208 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín, chi nhánh Tân Phú - Phòng giao dịch Âu Cơ cho M chuyển tiền trước 2.000.000đ, làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì trả đủ số tiền còn lại. Ngày 07/5/2019 M nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Đào Nam M, sinh năm 1989, CCCD số 079089009770 và địa chỉ 6A116 ấp 6, Đường P, huyện B, TP. Hồ Chí Minh. Ngày 13/5/2019 Đào Nam M sử dụng giấy này đến quán giải khát của bà Huỳnh Thị Ngọc A tại khu vực thị trấn Đ kêu bán cho bà Huỳnh Thị Ngọc A với

giá 600.000.000đ lấy tiền trả nợ vay cho bà, chị A không mua mà giới thiệu cho người bạn tên Võ Anh K, đến nhà chị A tại Khu vực 2 thị trấn Đ cho M bán. Tại đây M và bà Võ Anh K thỏa thuận giá bán 600.000.000đ, sau khi thống nhất, M dẫn bà K cùng bà Huỳnh Thị Ngọc A đến xã Đ, huyện Đ xem đất, bà K đồng ý mua và cùng nhau quay về nhà chị A làm hợp đồng nhận cọc 600.000.000đ và M hẹn ngày 17/5/2019 bà K và M đến phòng công chứng thị trấn Đ, huyện Đ làm thủ tục ủy quyền cho bà K. Chiếm đoạt được tài sản, M trả tiền nợ gốc, lãi suất và phí đất tổng cộng hết: 470.500.000đ cho chị A, tiền còn lại 129.500.000đ M tiêu xài cá nhân hết. Đúng hẹn bà K và M đến phòng công chứng tại thị trấn Đ, huyện Đ làm thủ tục ủy quyền cho bà K thì bị phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Vật chứng vụ án thu giữ: 01 điện thoại di động, hiệu Iphone 7, màu đen, số IMEI: 353843088602160, số điện thoại 0946445546 (của Đào Nam M).

Tại Bản kết luận giám định số 288/2019/KLGD ngày 04 tháng 7 năm 2019 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, số CO 3689946 (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A) là giả.

Tại Bản kết luận giám định số: 416/KLGD Ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An: Kết luận chữ viết “Tôi ngày 17/5/2019 tôi Đào Nam M sẽ ra công chứng ủy quyền cho chị Võ Anh K” bằng bút bi màu xanh ở trên trái mực “Bên nhận cọc”, chữ ký và chữ viết “Đào Nam M” bằng bút bi màu xanh ở mực “Bên nhận cọc”, trên tờ “Giấy nhận cọc” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A) với: Chữ viết bắt đầu “Đào Nam M...” và Kết thúc “... Đào Nam M” bằng bút bi màu xanh, chữ ký mang tên “Đào Nam M” bằng bút bi màu xanh ở mực “Người khai”, trên tờ “Bản tự khai” (đóng dấu LTMS, ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2020/HS-ST ngày 3 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:*

Tuyên bố: Bị cáo Đào Nam M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Đào Nam M 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đào Nam M 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội bị cáo Đào Nam M phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 18/9/2019.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Đào Nam M 45 (bốn mươi lăm) ngày để bảo đảm kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/6/2020, bị cáo Đào Nam M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm chưa làm rõ lời khai có mâu thuẫn của bị hại Võ Anh Anh K và người liên quan bà Huỳnh Thị Ngọc A.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

*Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu:* Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo cáo tại phiên tòa thì có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã có thủ đoạn gian dối là làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình khiến bà Võ Anh K tin tưởng ký hợp đồng đặt cọc và giao cho bị cáo 600.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và khung hình phạt của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu:* Không có ý kiến tranh luận với tội danh “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo về tội danh này cần phải được xem xét phù hợp với hành vi của bị cáo có cấu thành tội lừa đảo hay không. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự thì hành vi của bị cáo chưa cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bởi lẽ: Bị cáo sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp vay tiền chứ không phải sử dụng giấy này để chuyển nhượng đất nhằm chiếm đoạt tài sản 600.000.000đ của Võ Anh K như án sơ thẩm quy kết. Vì trước đây bị cáo vay tiền của chị A với lãi suất cao, ngày 11/3/2019 bị cáo sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Thanh Hương sau đó là ông Kha Thành P để thế chấp vay 400.000.000đ với lãi suất 4% tháng. Khi đến hạn phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, ông P bị cáo nảy ra ý nghĩ sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thay thế. Từ đó, cho thấy mục đích việc sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thế chấp vay tiền của bị cáo là để giảm tiền lãi vay và để thay thế cho giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P mà bị cáo phải lấy ra để trả cho ông P khi đến hạn. Mục đích này của bị cáo phát sinh và tồn tại từ khi bị cáo vay tiền của bà Huỳnh Thị Ngọc A cho đến khi chuyển sang vay tiền của bà Võ Anh K. Như vậy, bị cáo hoàn toàn không có ý thức chiếm đoạt số tiền vay. Do bị cáo không có mục đích chiếm đoạt tài sản nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đồng thời cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ, chưa lấy lời khai của một số người biết sự việc dẫn tới kết luận về vụ án chưa có cơ sở nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

*Bị cáo Đào Nam M trình bày:* thống nhất như quan điểm bào chữa của luật sư và chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại tội danh và hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo cho đúng pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên sau khi nhận được thông tin là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1233, tờ bản đồ số 25 có vị trí tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An của bà Mai Thị P gửi qua tài khoản Zalo của M đề nhờ bán (do M làm nghề môi giới mua bán bất động sản) đã nảy sinh ý định làm giấy tờ giả lấy tên Đào Nam M nhằm mục đích tìm người thế chấp hoặc bán lấy tiền trả nợ cho chị A. Để thực hiện ý định này M đã thuê đối tượng tên Nguyễn Tài Thiện P làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 14.000.000 đồng. Ngày 13/5/2019 sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên mình, Đào Nam M đến quán giải khát của bà Huỳnh Thị Ngọc A kêu bán cho chị A với giá 600.000.000 đồng để trả nợ vay cho chị A (M nợ chị A 400.000.000 đồng) nhưng chị A không mua mà giới thiệu cho người bạn tên Võ Anh K, đến nhà chị A tại Khu vực 2 thị trấn Đ cho M bán. Tại đây M và bà Võ Anh K thỏa thuận giá bán 600.000.000đ, sau khi thống nhất, M dẫn bà K cùng bà Huỳnh Thị Ngọc A đến xã Đ, huyện Đ xem đất, bà K đồng ý mua và cùng nhau quay về nhà chị A làm hợp đồng nhận cọc 600.000.000đ (bằng với số tiền thỏa thuận bán) và M hẹn ngày 17/5/2019 bà K và M đến phòng công chứng thị trấn Đ, huyện Đ làm thủ tục ủy quyền cho bà K. Sau khi nhận 600.000.000 đồng từ bà K, M trả tiền nợ gốc, lãi xuất và phí đất tổng cộng hết: 470.500.000đ cho chị A, tiền còn lại 129.500.000đ M tiêu xài cá nhân hết. Đúng hẹn bà K và M đến phòng công chứng tại thị trấn Đ, huyện Đ làm thủ tục ủy quyền cho bà K thì bị phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

[2] Quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như nêu trên. Tuy nhiên cho rằng không có mục đích chiếm đoạt tài sản của bà K.

Bào chữa cho bị cáo, luật sư viện dẫn bút lục số 178 là lời khai của bị hại Võ Anh K và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Ngọc A tại bút lục số 183 thể hiện số tiền 600.000.000 đồng mà bị cáo nhận từ bà Võ Anh K là thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Đ Nam M để vay tiền chứ không phải bị cáo bán cho bà Võ Anh K. Bị cáo không trốn tránh và ngay sau khi không thực hiện được việc công chứng, bị cáo đã thừa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả và đề nghị được trả lại toàn bộ số tiền đã nhận từ bà K. Thực tế trước khi người bị hại tố cáo ra cơ quan công an ngày 10/6/2019 thì trước đó bị cáo đã trả cho người bị hại số tiền 380.000.000

đồng và đến ngày 21/6/2019 đã trả số tiền còn lại. Do đó luật sư cho rằng không đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” vì bị cáo không chiếm đoạt tài sản. Do bị cáo không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên về khung hình phạt của tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cũng không chính xác.

Xét thấy, mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, tuy nhiên căn cứ vào: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 10/6/2019 (bút lục 118-119) và biên bản ghi lời khai ngày 10/6/2019 (bút lục 143) thể hiện “... đến ngày 13/5/2019 tôi không có tiền nên nảy sinh ý định lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả...đem đi cầm cố cho người khác để chiếm đoạt tài sản...” và biên bản ghi lời khai ngày 19/9/2019 (bút lục 136) “tôi biết việc tôi nợ người khác, không có tiền trả nợ, không có tài sản để thế chấp, để bán trả nợ nên nảy sinh ý định làm giả giấy đất để cầm cố cho chị Kiều chiếm đoạt số tiền số tiền 600.000.000. Tôi rất hối hận về việc làm của mình”. Như vậy đã thể hiện rõ ý chí chủ quan của bị cáo là chiếm đoạt tài sản. Do đó cho dù nội dung của giao dịch ngày 13/5/2019 ký kết giữa bị cáo và người bị hại Võ Anh K là chuyển nhượng quyền sử dụng đất (như lời khai của người bị hại và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Ngọc A) hay thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền (như lời khai của bị cáo và quan điểm bảo chữa của luật sư) cũng đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Thời điểm tội phạm hoàn thành ngay từ khi bị cáo nhận 600.000.000 đồng. Việc bị cáo ký kết hợp đồng ngày 13/5/2019 và hẹn ngày công chứng ủy quyền chỉ là phương thức để chiếm đoạt, mang tính giả tạo, gian dối nhằm tạo lòng tin, phù hợp với lời khai của bị cáo ngày 11/6/2019 (bút lục 145) “hình thức tôi chiếm đoạt tài sản của người khác là tôi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả rồi giới thiệu cho người khác có nhu cầu mua đất với giá thấp rồi chiếm đoạt số tiền chuyển nhượng. Khi ra công chứng ủy quyền để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, sau đó chiếm đoạt số tiền chuyển nhượng”. Ý thức chiếm đoạt của bị cáo thể hiện tại lời khai vào ngày 10/6/2019 (bút lục 119) còn tồn tại ngay cả sau khi sự việc bị phát hiện và khi bị cáo đã trả cho người bị hại một phần số tiền chiếm đoạt “tôi đưa tiền cho chị A 03 lần tổng cộng 380.000.000 đồng và hẹn đến ngày 10/6/2019 tôi không có tiền nên nảy sinh ý định vào ngân hàng Sacombank ở tỉnh lộ 10 xin giấy chuyển tiền giả chữ ký vào để chuyển tiền cho chị A qua số tài khoản ATM của chồng chị A tên V để chiếm đoạt số tiền 220.000.000 đồng. Nếu bị phát hiện thì đổ lỗi cho ngân hàng. Khi tôi ký tên xong tôi đem hóa đơn đưa cho chị A”.

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước, ngoài ra còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo Điều 174 và Điều 341 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ

luật Hình sự là có căn cứ. Do khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là tội đặc biệt nghiêm trọng nên tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Do đó kháng cáo của bị cáo Đào Nam M và quan điểm bào chữa của luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Nam M. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2020/HS-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

2. Tuyên bố: Bị cáo Đào Nam M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Đào Nam M 12 (*mười hai*) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đào Nam M 03 (*ba*) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội bị cáo Đào Nam M phải chấp hành hình phạt chung là 15 (*mười lăm*) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 18/9/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Đào Nam M để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Đào Nam M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Long An; (1)
- VKSND tỉnh Long An; (1)
- Công an tỉnh Long An; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Long An; (1)
- Cục THADS tỉnh Long An; (1)
- Trại tạm giam tỉnh Long An; (2)
- (để tổng đạt cho bị cáo)
- Bị hại; (1)
- NLQ (5)
- Lưu VT (6), HS (2) T.23 (BA 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Long**